

Số: 3428a/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ cho các cơ quan**  
**Thi hành án dân sự địa phương năm 2014**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/03/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09/09/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông báo số 145-TB/BCS ngày 24/10/2013 của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp về thông báo Nghị quyết phiên họp ngày 14/10/2013 của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 3005/QĐ-BTP ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ cho Hệ thống các cơ quan Thi hành án dân sự năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dữ liệu, Thông tin và Thống kê thi hành án dân sự,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu năm 2014 cho các cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

1. Ra quyết định đúng thời hạn đối với 100% bản án, quyết định về dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm chính xác, đúng pháp luật trong việc xác minh, phân loại việc, tiền có điều kiện, chưa có điều kiện giải quyết.

3. Khắc phục cơ bản vi phạm pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự.

4. Giải quyết xong đạt tỷ lệ % về việc, về tiền (tiền và giá trị tài sản được quy ra tiền) trên tổng số việc, tiền có điều kiện giải quyết theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo quyết định này.

5. Giải quyết triệt để đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng thời hạn, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Giải quyết xong 100%

đơn, thư khiếu nại, tố cáo của năm 2013 chuyển sang và 90% đơn, thư khiếu nại, tố cáo mới thụ lý trong năm 2014 thuộc thẩm quyền. Cơ bản giải quyết xong đơn, thư khiếu nại, tố cáo bức xúc tồn đọng, kéo dài.

6. Giảm tỷ lệ % số việc chuyển sang năm 2015 so với số việc của năm 2013 chuyển sang năm 2014 theo Phụ lục III ban hành kèm theo quyết định này. Đối với những đơn vị không có số chuyển kỳ sau, không phải thực hiện chỉ tiêu này.

**Điều 2.** Căn cứ chỉ tiêu nhiệm vụ được Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự giao, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự giao chỉ tiêu năm 2014 cho Chi cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự và Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự.

Căn cứ chỉ tiêu do Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự giao, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự giao chỉ tiêu năm 2014 cho Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự.

**Điều 3.** Giám đốc Trung tâm Dữ liệu, Thông tin và Thống kê thi hành án dân sự chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2014 và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc và Chấp hành viên thuộc quyền quản lý của Cục Thi hành án dân sự.

Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Chấp hành viên do Chi cục quản lý.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ được giao là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là cơ sở để chi thu nhập tăng thêm theo quy định hiện hành và bình xét thi đua khen thưởng năm 2014.

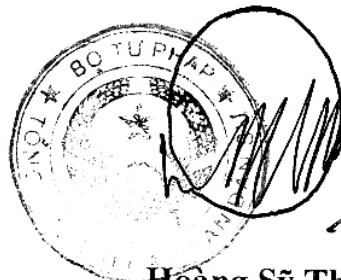
**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Trung tâm Dữ liệu, Thông tin và Thống kê thi hành án dân sự, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Các PTCT (để biết);
- Vụ KHTC - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Vụ Thi đua – Khen thưởng (để phối hợp);
- Văn phòng Bộ (để phối hợp);
- Lưu: VT, TrTDLTT&TKTHADS.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Hoàng Sỹ Thành**

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**Phụ lục I**  
**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU VIỆC CHO CÁC CƠ QUAN THI**  
**HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014**

*(Ban hành kèm theo Quyết định 3428a/QĐ-TCTHADS  
ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Tổng cục Thi hành án dân sự)*

STT	Tên Đơn vị	Tỷ lệ % việc
1	2	3
1	An Giang	92
2	Bắc Giang	92
3	Bắc Kạn	94
4	Bạc Liêu	90
5	Bắc Ninh	92
6	Bến Tre	90
7	Bình Định	92
8	Bình Dương	88
9	Bình Phước	90
10	Bình Thuận	90
11	BR-V Tàu	92
12	Cà Mau	90
13	Cần Thơ	90
14	Cao Bằng	94
15	Đà Nẵng	90
16	Đắk Lắk	92
17	Đắk Nông	94
18	Điện Biên	94
19	Đồng Nai	88
20	Đồng Tháp	90
21	Gia Lai	92
22	Hà Giang	94
23	Hà Nam	94
24	Hà Nội	88
25	Hà Tĩnh	92
26	Hải Dương	92
27	Hải Phòng	92
28	Hậu Giang	92
29	Hồ Chí Minh	88
30	Hòa Bình	94
31	Hưng Yên	92
32	Khánh Hoà	90
33	Kiên Giang	92
34	Kon Tum	94
35	Lai Châu	94
36	Lâm Đồng	92

37	Lạng Sơn	94
38	Lào Cai	94
39	Long An	88
40	Nam Định	92
41	Nghệ An	90
42	Ninh Bình	94
43	Ninh Thuận	92
44	Phú Thọ	92
45	Phú Yên	92
46	Quảng Bình	92
47	Quảng Nam	92
48	Quảng Ngãi	90
49	Quảng Ninh	92
50	Quảng Trị	92
51	Sóc Trăng	92
52	Sơn La	92
53	Tây Ninh	88
54	Thái Bình	92
55	Thái Nguyên	92
56	Thanh Hóa	94
57	Tiền Giang	88
58	Trà Vinh	90
59	TT Huế	94
60	Tuyên Quang	94
61	Vĩnh Long	92
62	Vĩnh Phúc	92
63	Yên Bái	94

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Hoàng Sỹ Thành**

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

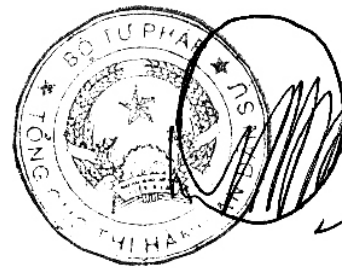
**Phụ lục II**  
**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU TIỀN CHO CÁC CƠ QUAN THI HÀNH**  
**ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3428a/QĐ-TCTHADS  
ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Tổng cục Thi hành án dân sự)*

<b>STT</b>	<b>Tên Đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ % tiền</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
1	An Giang	83
2	Bắc Giang	83
3	Bắc Kạn	83
4	Bạc Liêu	83
5	Bắc Ninh	83
6	Bến Tre	83
7	Bình Định	83
8	Bình Dương	77
9	Bình Phước	83
10	Bình Thuận	83
11	BR-V Tàu	77
12	Cà Mau	83
13	Cần Thơ	77
14	Cao Bằng	83
15	Đà Nẵng	81
16	Đắk Lắk	83
17	Đắk Nông	83
18	Điện Biên	83
19	Đồng Nai	77
20	Đồng Tháp	83
21	Gia Lai	83
22	Hà Giang	83
23	Hà Nam	81
24	Hà Nội	77
25	Hà Tĩnh	83
26	Hải Dương	83
27	Hải Phòng	77
28	Hậu Giang	83
29	Hồ Chí Minh	77
30	Hòa Bình	83
31	Hung Yên	83
32	Khánh Hoà	77

33	Kiên Giang	83
34	Kon Tum	83
35	Lai Châu	83
36	Lâm Đồng	83
37	Lạng Sơn	83
38	Lào Cai	83
39	Long An	83
40	Nam Định	83
41	Nghệ An	81
42	Ninh Bình	83
43	Ninh Thuận	83
44	Phú Thọ	83
45	Phú Yên	83
46	Quảng Bình	81
47	Quảng Nam	81
48	Quảng Ngãi	81
49	Quảng Ninh	83
50	Quảng Trị	83
51	Sóc Trăng	83
52	Sơn La	83
53	Tây Ninh	83
54	Thái Bình	83
55	Thái Nguyên	83
56	Thanh Hóa	83
57	Tiền Giang	83
58	Trà Vinh	83
59	TT Huế	83
60	Tuyên Quang	83
61	Vĩnh Long	83
62	Vĩnh Phúc	83
63	Yên Bái	83

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



*Hoàng Sỹ Thành*

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**Phụ lục III**

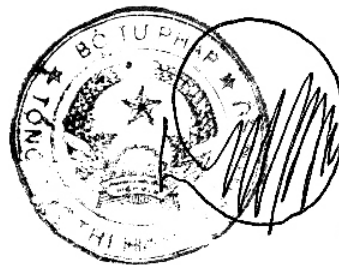
**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU GIẢM SỐ VIỆC CHUYỂN KỲ SAU CHO CÁC CƠ  
QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3428a/QĐ-TCTHADS  
ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Tổng cục Thi hành án dân sự)*

<b>STT</b>	<b>Tên Đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
1	An Giang	10%
2	Bắc Giang	11%
3	Bắc Kạn	11%
4	Bạc Liêu	11%
5	Bắc Ninh	10%
6	Bến Tre	10%
7	Bình Định	11%
8	Bình Dương	10%
9	Bình Phước	11%
10	Bình Thuận	11%
11	BR-V Tàu	11%
12	Cà Mau	10%
13	Cần Thơ	10%
14	Cao Bằng	11%
15	Đà Nẵng	11%
16	Đắk Lắk	10%
17	Đắk Nông	11%
18	Điện Biên	10%
19	Đồng Nai	12%
20	Đồng Tháp	9%
21	Gia Lai	11%
22	Hà Giang	10%
23	Hà Nam	11%
24	Hà Nội	10%
25	Hà Tĩnh	9%
26	Hải Dương	10%
27	Hải Phòng	12%
28	Hậu Giang	11%
29	Hồ Chí Minh	11%
30	Hòa Bình	9%
31	Hưng Yên	10%
32	Khánh Hoà	12%
33	Kiên Giang	10%
34	Kon Tum	9%

35	Lai Châu	9%
36	Lâm Đồng	11%
37	Lạng Sơn	10%
38	Lào Cai	11%
39	Long An	12%
40	Nam Định	11%
41	Nghệ An	10%
42	Ninh Bình	11%
43	Ninh Thuận	10%
44	Phú Thọ	11%
45	Phú Yên	10%
46	Quảng Bình	10%
47	Quảng Nam	10%
48	Quảng Ngãi	11%
49	Quảng Ninh	11%
50	Quảng Trị	9%
51	Sóc Trăng	11%
52	Sơn La	10%
53	Tây Ninh	12%
54	Thái Bình	11%
55	Thái Nguyên	11%
56	Thanh Hóa	11%
57	Tiền Giang	12%
58	Trà Vinh	11%
59	TT Huế	10%
60	Tuyên Quang	11%
61	Vĩnh Long	11%
62	Vĩnh Phúc	10%
63	Yên Bái	10%

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Hoàng Sỹ Thành**